

Số: **81** /2026/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày **29** tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở số 10/2022/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 97/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ Quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 759/TTr-SNV ngày 19 tháng 6 năm 2026;

Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành Quyết định ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

- Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 6 năm 2026.
- Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, các Quyết định sau đây hết hiệu lực thi hành:

a) Quyết định số 07/2019/QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn (trước sáp nhập) ban hành Quy chế về tổ chức, hoạt động và phân loại của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn;

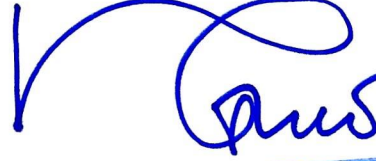
b) Quyết định số 26/2019/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên (trước sáp nhập) ban hành Quy chế về tổ chức, hoạt động của xóm, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *hs*

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ;
 - Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
 - Thường trực Tỉnh ủy;
 - Thường trực HĐND tỉnh;
 - Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
 - Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
 - Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
 - Ủy ban MTTQVN tỉnh;
 - Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
 - Các sở, ban, ngành;
 - Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
 - Đảng ủy, UBND các xã, phường;
 - Trung tâm Thông tin tỉnh;
 - Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
 - Lưu: VT, TH, NC. *hs*
- Huyenntt\Quyetdinh.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Vương Quốc Tuấn

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên
(Ban hành kèm theo Quyết định số 81 /2026/QĐ-UBND)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về tổ chức và hoạt động của thôn (xóm), tổ dân phố (sau đây gọi chung là thôn, tổ dân phố) trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

2. Đối tượng áp dụng

a) Thôn, tổ dân phố được thành lập theo quy định của pháp luật trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

b) Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố; người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố;

c) Hộ gia đình, cá nhân cư trú trong thôn, tổ dân phố;

d) Ủy ban nhân dân xã, phường; các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan đến tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Thôn, tổ dân phố

1. Thôn, tổ dân phố không phải là một cấp hành chính mà là tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư có chung địa bàn cư trú trong một khu vực thuộc phạm vi một đơn vị hành chính cấp xã (xã, phường gọi chung là cấp xã); là nơi thực hiện dân chủ trực tiếp và rộng rãi để phát huy các hình thức hoạt động tự quản của cộng đồng dân cư; tổ chức để Nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

2. Thôn, tổ dân phố được tổ chức tại cấp xã. Thôn được tổ chức ở xã, tổ dân phố được tổ chức ở phường.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố

1. Tổ chức của thôn, tổ dân phố phải bảo đảm tinh gọn, hoạt động hiệu quả; phù hợp với quy mô dân cư, đặc điểm địa bàn và yêu cầu quản lý của Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Bảo đảm và đề cao tính tự quản của cộng đồng dân cư; phát huy quyền làm chủ trực tiếp của Nhân dân trong tổ chức đời sống cộng đồng, giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa, phong tục, tập quán tốt đẹp của địa phương.

3. Hoạt động của thôn, tổ dân phố phải tuân thủ Hiến pháp, pháp luật, hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư; bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch; phân định rõ nhiệm vụ tự quản của cộng đồng dân cư với nhiệm vụ phối hợp, hỗ trợ Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước.

4. Hoạt động của thôn, tổ dân phố phải bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố với Bí thư Chi bộ, Trưởng Ban Công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố, các tổ chức chính trị - xã hội, lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và các tổ chức tự quản trên địa bàn; phát huy vai trò của Nhân dân trong bảo đảm an ninh, trật tự, bảo vệ môi trường, xây dựng đời sống văn hóa và phát triển cộng đồng dân cư.

5. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động tự quản của cộng đồng dân cư, tạo thuận lợi cho Nhân dân trong tiếp cận thông tin, tham gia các hoạt động cộng đồng và phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã trong các hoạt động tại địa bàn.

6. Bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của Chi bộ đảng đối với tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố.

Chương II

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA THÔN, TỔ DÂN PHỐ

Điều 4. Tổ chức của thôn, tổ dân phố

1. Thôn có Trưởng thôn; tổ dân phố có Tổ trưởng. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố là người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.

2. Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố là người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; việc bố trí, số lượng, chế độ, chính sách thực hiện theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và các quy định của pháp luật có liên quan.

Ủy ban nhân dân cấp xã công nhận, cho thôi giữ chức danh Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố theo quy định.

Điều 5. Tiêu chuẩn của thôn, tổ dân phố

1. Thôn phải có từ 150 hộ gia đình trở lên; tổ dân phố phải có từ 300 hộ trở lên.

2. Thôn, tổ dân phố có yếu tố đặc thù thì quy mô số hộ gia đình có thể thấp hơn quy định tại khoản 1 Điều này và theo quy định tại Nghị định số 185/2026/NĐ-CP của Chính phủ và văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 6. Nội dung hoạt động của thôn, tổ dân phố

1. Hoạt động tự quản của thôn, tổ dân phố

Hoạt động tự quản của thôn, tổ dân phố do cộng đồng dân cư thảo luận, quyết định và tổ chức thực hiện trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật; hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố; phong tục, tập quán, truyền thống và điều kiện thực tế của từng thôn, tổ dân phố, gồm:

a) Bàn và quyết định chủ trương, mức đóng góp của Nhân dân để xây dựng, sửa chữa, duy tu cơ sở hạ tầng, các công trình phúc lợi công cộng phục vụ đời sống cộng đồng trong phạm vi thôn, tổ dân phố theo quy định của pháp luật;

b) Thực hiện việc thu, chi và quản lý các khoản đóng góp của Nhân dân trong cộng đồng dân cư ngoài các khoản đóng góp do pháp luật quy định; quản lý, sử dụng các khoản kinh phí, tài sản do cộng đồng dân cư được giao quản lý hoặc tiếp nhận từ các nguồn tài trợ, ủng hộ hợp pháp khác, bảo đảm công khai, minh bạch;

c) Xây dựng, sửa đổi, bổ sung hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố theo quy định của pháp luật trình Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt và tổ chức thực hiện sau khi được ban hành;

d) Tổ chức các hoạt động tự quản trong cộng đồng dân cư bảo đảm giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phát huy các giá trị văn hóa, phong tục, tập quán tốt đẹp và truyền thống đoàn kết trong cộng đồng dân cư; bảo vệ môi trường; phòng, chống các tệ nạn xã hội; chăm lo sức khỏe cộng đồng; khuyến khích các hoạt động tương trợ, giúp đỡ nhau phát triển kinh tế, giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân; xây dựng đời sống văn hóa và phát triển cộng đồng;

đ) Tổ chức thực hiện việc bầu, cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; thảo luận, tham gia ý kiến về việc lựa chọn nhân sự Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố trước khi Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã công nhận; bầu, cho thôi làm thành viên Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng theo quy định của pháp luật;

e) Tham gia ý kiến đối với các nội dung liên quan trực tiếp đến đời sống của cộng đồng dân cư do Ủy ban nhân dân cấp xã lấy ý kiến theo quy định của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở;

g) Biện pháp khuyến khích các hoạt động tự quản, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau trong cộng đồng dân cư; phát huy vai trò của các tổ chức tự quản, các tổ, nhóm cộng đồng trong việc xây dựng đời sống văn hóa, phát triển kinh tế và bảo đảm an sinh xã hội tại địa bàn;

h) Các công việc tự quản khác trong nội bộ cộng đồng dân cư không trái với quy định của pháp luật, phù hợp với thuần phong, mỹ tục và đạo đức xã hội;

i) Thực hiện quyền kiểm tra, giám sát của cộng đồng dân cư đối với việc quản lý, sử dụng các khoản đóng góp của Nhân dân, tài sản chung của cộng đồng

dân cư, việc thực hiện các công trình, dự án và các nội dung khác theo quy định của pháp luật;

k) Các nội dung khác theo quy định pháp luật thực hiện dân chủ ở cơ sở.

2. Hoạt động phối hợp, hỗ trợ Ủy ban nhân dân cấp xã tại địa bàn dân cư

Hoạt động phối hợp, hỗ trợ Ủy ban nhân dân cấp xã được thực hiện trên cơ sở hướng dẫn của Ủy ban nhân dân cấp xã; phù hợp với chức năng tự quản của cộng đồng dân cư, điều kiện thực tế và quy định của pháp luật, gồm:

a) Tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các phong trào, cuộc vận động do cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội phát động;

b) Tổng hợp, phản ánh ý kiến, nguyện vọng, kiến nghị chính đáng của Nhân dân; tham gia trao đổi, phối hợp với chính quyền địa phương cấp xã trong việc giải quyết các vấn đề liên quan trực tiếp đến đời sống cộng đồng dân cư tại địa bàn;

c) Hỗ trợ Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc cung cấp, trao đổi thông tin liên quan đến cộng đồng dân cư tại địa bàn để phục vụ công tác quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật;

d) Phối hợp công khai thông tin, tạo điều kiện để Nhân dân tiếp cận thông tin, thực hiện thủ tục hành chính và dịch vụ công, các chính sách liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của người dân;

đ) Tham gia, phối hợp thực hiện các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh và các hoạt động cộng đồng khác trên cơ sở vận động, tạo sự đồng thuận của Nhân dân và phù hợp với điều kiện thực tế của địa bàn;

e) Hỗ trợ triển khai chuyển đổi số tại cộng đồng dân cư; tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, tài khoản định danh điện tử, thanh toán điện tử, các nền tảng số và ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ đời sống, sản xuất, kinh doanh; phối hợp với Tổ công nghệ số cộng đồng trong thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số trên địa bàn;

g) Xây dựng và thực hiện quy chế phối hợp giữa Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố với Ban Công tác Mặt trận; các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức tự quản khác ở thôn, tổ dân phố nhằm bảo đảm sự phối hợp thống nhất, hiệu quả trong tổ chức và hoạt động tại địa bàn;

h) Phối hợp với Ban Công tác Mặt trận, Ban Thanh tra Nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng và các tổ chức tự quản khác trong việc phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; tạo điều kiện để Nhân dân thực hiện quyền kiểm tra, giám sát theo quy định của pháp luật;

i) Các nội dung khác theo quy định pháp luật.

Điều 7. Quyết định của cộng đồng dân cư

Quyết định của cộng đồng dân cư được thể hiện bằng văn bản theo quy định tại Điều 20, Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Chương III**TRƯỞNG THÔN, TỔ TRƯỞNG TỔ DÂN PHỐ, PHÓ TRƯỞNG THÔN,
PHÓ TỔ TRƯỞNG TỔ DÂN PHỐ VÀ NHÂN DÂN****Điều 8. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố**

Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quy định tại Điều 6 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP của Chính phủ, quy định của pháp luật có liên quan và các nội dung sau:

1. Phối hợp chặt chẽ với Bí thư Chi bộ, Trưởng Ban Công tác Mặt trận, các tổ chức chính trị - xã hội, lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và các tổ chức tự quản khác trên địa bàn trong tổ chức các hoạt động của cộng đồng dân cư theo quy định tại Điều 6, Quy chế này.

2. Triệu tập các cuộc họp của thôn, tổ dân phố để bàn, quyết định các nội dung theo quy định tại Điều 6, Quy chế này và theo quy định pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

3. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 9. Trách nhiệm của Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố

1. Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố có trách nhiệm phối hợp với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố trong tổ chức các hoạt động của cộng đồng dân cư theo quy định tại Điều 6, Điều 8, Quy chế này.

2. Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố có trách nhiệm giúp Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện nhiệm vụ theo phân công; tham gia tuyên truyền, vận động Nhân dân, hỗ trợ chuyển đổi số, bảo đảm an ninh trật tự, vệ sinh môi trường và các nhiệm vụ khác tại địa bàn thuộc phạm vi được giao và chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ được ủy quyền.

Điều 10. Trách nhiệm người dân tại thôn, tổ dân phố

1. Công dân, hộ gia đình có trách nhiệm tích cực quan tâm đến công việc chung của cộng đồng dân cư; tham gia hoặc cử đại diện hộ gia đình tham gia họp bàn, thảo luận, quyết định các nội dung có phạm vi thực hiện trong thôn, tổ dân phố, trong địa bàn cấp xã; thực hiện nghiêm túc các nội dung thuộc trách nhiệm đã được cộng đồng dân cư quyết định. Đề xuất sáng kiến để cộng đồng dân cư bàn và quyết định trong phạm vi thôn, tổ dân phố.

2. Đại diện hộ gia đình có trách nhiệm tham dự các cuộc họp của cộng đồng dân cư; tập hợp, nắm bắt ý kiến của các thành viên hộ gia đình để phản ánh, tham gia thảo luận tại cuộc họp hoặc thể hiện trên phiếu lấy ý kiến của hộ gia đình; phổ biến, truyền đạt lại cho các thành viên hộ gia đình về kết quả bàn, thảo luận, quyết định của cộng đồng dân cư.

Điều 11. Nhiệm kỳ Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố

1. Nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố là 05 năm. Trong trường hợp cần bảo đảm thống nhất với thời điểm tổ chức lại thôn, tổ dân phố hoặc do tình huống bất khả kháng như thiên tai, dịch bệnh không thể tổ chức bầu cử đúng thời hạn, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định việc rút ngắn hoặc kéo dài nhiệm kỳ hoạt động của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố nhưng không quá 06 tháng. Trường hợp phải rút ngắn hoặc kéo dài quá 06 tháng thì Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.

2. Nhiệm kỳ của Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

Điều 12. Bầu cử, cho thôi làm nhiệm vụ Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; công nhận, cho thôi làm nhiệm vụ Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố

1. Việc bầu cử, cho thôi làm nhiệm vụ Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo quy định của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở và văn bản hướng dẫn thi hành Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Trong trường hợp thành lập, sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố, hoặc trường hợp khuyết Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thì Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ định Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời để điều hành hoạt động của thôn, tổ dân phố cho đến khi bầu được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố trong thời hạn không quá 06 tháng kể từ ngày có quyết định chỉ định Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời.

2. Việc công nhận, cho thôi làm nhiệm vụ Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 6 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 13. Chế độ, chính sách đối với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố

1. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố được hưởng phụ cấp hàng tháng, mức phụ cấp theo quy định.

2. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế và các chế độ, chính sách khác theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và quy định của pháp luật hiện hành.

3. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố nghỉ do sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của Chính phủ về tinh giản biên chế.

4. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ được giao; ưu tiên bồi dưỡng kỹ năng tuyên truyền, vận động Nhân dân, hòa giải ở cơ sở, tổ chức hoạt động cộng đồng dân cư; ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, sử dụng nền tảng số, cập nhật dữ liệu, khai thác cơ sở dữ liệu và hỗ trợ Nhân dân tiếp cận, sử dụng dịch vụ công trực tuyến theo quy định. Khi được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng thì được hưởng chế độ theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được khen thưởng theo quy định pháp luật.

2. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố không hoàn thành nhiệm vụ, có vi phạm khuyết điểm, không được nhân dân tín nhiệm thì tùy theo mức độ sai phạm sẽ bị cho thôi làm nhiệm vụ hoặc truy cứu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Các sở, ban, ngành của tỉnh

a) Sở Nội vụ chủ trì, theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện Quy chế này;

b) Các sở, ban, ngành căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm phối hợp với Sở Nội vụ trong việc chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Xây dựng đề án, phương án, tờ trình và các văn bản liên quan đến việc thành lập, sắp xếp, tổ chức lại, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định;

b) Quyết định công nhận Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố;

c) Quản lý, chỉ đạo, điều hành hoạt động của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố trên địa bàn cấp xã theo quy định tại Nghị định số 185/2026/NĐ-CP của Chính phủ và Quy chế này.

Điều 16. Điều khoản thi hành

1. Trường hợp văn bản dẫn chiếu tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.
2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc phát sinh, các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân cấp xã phản ánh về Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.